

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2024/HSST

Ngày: 29/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thành Niên**

Các Hội thẩm nhân dân: ông **Đinh Trọng Tuấn** và bà **Ngô Thị Như Hoa**

Thư ký phiên tòa: Ông **Ninh Viết Tùng** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Đạt** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2024/HSST ngày 12 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tiến V. Giới tính: Nam. Sinh ngày 24/8/2002 tại tỉnh Hòa Bình. Nơi cư trú: tổ 04, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 5/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Có bố là Nguyễn Tiến H và mẹ là Nguyễn Thị H. Vợ con: Không có.

Tiền án, tiền sự: Không

* Nhân thân:

- Năm 2018 bị Công an phường C xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức “cảnh cáo” về hành vi Trộm cắp tài sản.

- Ngày 30/12/2020 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 03/9/2021 chấp hành xong án phạt tù.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 18/10/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Huỳnh Trung P. Giới tính: Nam. Sinh ngày 02/10/2005 tại tỉnh Hòa Bình. Nơi cư trú: tổ 02, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự

do. Trình độ học vấn: 9/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Có bố là Huỳnh Trung C và mẹ là Hồ Thị Q. Vợ con: không có. (vắng mặt).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 18/10/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Phúc:** bà Phùng Thị T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình.

*** Bị hại:**

1. Chị Dương Thị M, sinh năm 1975. Nơi cư trú: tổ 14, phường T, TP H, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: xóm B, xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: tổ 02, phường K, TP H, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt).

4. Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1993. Nơi cư trú: tổ 07, phường Đ, TP H, tỉnh Hòa Bình (có mặt)

5. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1994. Nơi cư trú: xóm T, xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt)

6. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: tổ 03, phường K, TP H, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt)

7. Anh Trần Văn T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: thôn K, xã V, huyện K, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt)

8. Chị Bùi Thị N (tên khác: Nh), sinh năm 1987. Nơi cư trú: xóm T, xã M, tỉnh Hòa Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt)

9. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2002. Nơi cư trú: tổ 06, phường K, TP H, tỉnh Hòa Bình (có mặt)

10. Chị Bạch Thị Hồng T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: tổ 04, phường P, TP H, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Bùi Đức N, sinh năm 2002. Nơi cư trú: tổ 03, phường T, TP H, tỉnh Hòa Bình (có mặt)

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995. Nơi cư trú: tổ 12, phường Đ, TP H, tỉnh Hòa Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Tiến M, sinh năm 1990. Nơi cư trú: tổ 4, phường T, TP H, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt)

4. Chị Trần Thị Ánh Ng, sinh năm 1976. Nơi cư trú: tổ 5, phường T, TP H, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt)

6. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1962. Nơi cư trú: xóm T, xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt)

7. Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1982. Nơi cư trú: tổ 7, phường T, TP H, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt)

8. Anh Vũ Văn T, sinh năm 1973. Nơi cư trú: tổ 01, phường T, TP H, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt)

9. Anh Huỳnh Trung C, sinh năm 1976; Nơi cư trú: tổ 04 phường T, TP H, tỉnh Hòa Bình (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm và thu nhập, cần tiền để chi tiêu cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 10/2023, lợi dụng sự sơ hở của người dân trong quản lý, bảo vệ tài sản, các bị cáo Nguyễn Tiến V và Huỳnh Trung P đã cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo P sử dụng xe moto chở V đi lòng vòng qua các tuyến đường. Khi phát hiện tài sản sơ hở, bị cáo P dừng xe, đứng cạnh giới để bị cáo V vào cây phá khóa hoặc lợi dụng chìa khóa cắm sẵn ở ổ khóa điện để mở khóa dắt xe ra ngoài nổ máy và điều khiển xe tẩu thoát. Để tránh bị phát hiện, sau khi trộm cắp được tài sản các bị cáo tháo biển kiểm soát và nhanh chóng bán lại tài sản lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. Tại địa bàn thành phố H và huyện K đã xác định các bị cáo thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất – trộm cắp xe moto BKS 28S4-0038 của chị Dương Thị M, xảy ra ngày 06/8/2023.

Khoảng 22h00 phút ngày 06/8/2023, P điều khiển xe moto Honda Wave màu xanh, BKS 28H1-257.89 của bố đẻ P là ông Huỳnh Trung C, chở V đi quanh TP H để tìm kiếm sơ hở, trộm cắp tài sản. Khi tới khu vực sân bê tông phía sau Quảng

trường Hòa Bình, cả hai sử dụng chìa khóa mang theo, cạy phá ổ khóa điện và trộm cắp được 01 xe moto Honda Wave màu đỏ đen, BKS 28S4-0038 của chị Dương Thị M. Theo bản kết luận định giá tài sản số 230 ngày 14/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H thì chiếc xe trên trị giá 4.000.000đ. Lấy được xe, V đã tháo biển kiểm soát rồi đem bán cho chị Trần Thị Ánh Ng được số tiền 1.000.000đ. V lấy 550.000đ và chia cho P 450.000đ. Xe moto trên (mất BKS 28S4-0038) sau đó được cơ quan điều tra thu hồi, trao trả lại cho chị Dương Thị M. Chị M đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Chị Ng không yêu cầu các bị cáo hoàn trả lại số tiền đã bỏ ra để mua xe.

2. Vụ thứ hai – trộm cắp xe moto BKS 28D1-013.63 của anh Nguyễn Minh T, xảy ra ngày 09/8/2023.

Khoảng 20h00 phút ngày 09/8/2023, P điều khiển xe moto Honda Airblade không rõ biển kiểm soát (xe của V) chở V đến địa bàn huyện K, tỉnh Hòa Bình để tìm kiếm sơ hở trộm cắp tài sản. Khi tới khu vực xóm B, xã T, huyện K, cả hai trộm cắp được 01 xe moto Honda Wave S, màu đỏ trắng đen, BKS 28D1-013.63 (xe dựng trước cửa nhà, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện) của anh Nguyễn Minh T. Theo bản kết luận định giá tài sản số 24 ngày 13/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K thì chiếc xe trên trị giá 4.000.000đ. Lấy được xe, V đã tháo biển kiểm soát rồi đem bán cho anh Nguyễn Tiến M (anh trai V) được số tiền 1.000.000đ. V và P chia nhau mỗi người 500.000đ. Xe moto trên (đã mất BKS 28D1-013.63) sau đó được cơ quan điều tra thu hồi, trao trả lại cho anh Nguyễn Minh T. Anh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh M không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã bỏ ra để mua xe.

3. Vụ thứ ba– trộm cắp xe moto BKS 28K1-020.86 của chị Nguyễn Thu T, xảy ra ngày 18/8/2023.

Khoảng 21h00 phút ngày 19/8/2023, P điều khiển xe moto Honda Wave (trộm được của chị Dương Thị M) chở V đến địa bàn phường K, TP H, tỉnh Hòa Bình để tìm kiếm sơ hở, trộm cắp tài sản. Khi tới khu vực tổ 02, phường K, cả hai trộm cắp được 01 xe moto Honda Airblade, màu trắng xám, BKS 28K1-020.86 của chị Nguyễn Thu T (xe dựng trong nhà, cửa nhà mở, không có người trông coi, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện). Theo bản kết luận định giá tài sản số 230 ngày 14/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TP H thì chiếc xe trên trị giá 10.500.000đ. Lấy được xe, V đã tháo biển kiểm soát, vứt xuống sông và

lắp BKS 29H1-568.68 để sử dụng, đi lại. Tới ngày 16/10/2023, V mang xe tới gửi tại nhà anh Nguyễn Văn T. Xe moto trên (đã mất BKS 28K1-020.86) sau đó được cơ quan điều tra thu hồi, trao trả lại cho chị Nguyễn Thu T. Chị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

4. Vụ thứ tư – trộm cắp xe moto BKS 28H1-390.79 của chị Bùi Thị Q, xảy ra ngày 25/8/2023.

Khoảng 20h00 phút ngày 25/8/2023, P điều khiển xe moto Honda Airblade (trộm được của chị Nguyễn Thu T), lắp BKS 29H1-568.68 chở V đến địa bàn tổ 7, phường Đ, TP H để tìm kiếm sơ hở, trộm cắp tài sản. Khi tới ngõ 24, đường Phan Đình P, cả hai trộm cắp được 01 xe moto Honda Vision, màu trắng nâu, BKS 28H1-390.79 của chị Bùi Thị Q (xe dựng trước cửa nhà, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện). Theo bản kết luận định giá tài sản số 230 ngày 14/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TP H thì chiếc xe trên trị giá 17.000.000đ. Tới ngày 28/8/2023, V điều khiển xe xuống TP Hà Nội để nhờ bạn là Bùi Đức N tìm người mua xe. Tại đây, V đã bán chiếc xe trên cho một người đàn ông không quen biết được số tiền 3.000.000đ. V đưa cho N 500.000đ tiền công giới thiệu khách, chia cho P 750.000đ và giữ lại số tiền 1.750.000đ để chi tiêu cá nhân. Chiếc xe trên hiện chưa thu hồi được. Chị Bùi Thị Q yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 17.000.000đ.

5. Vụ thứ năm – trộm cắp xe moto BKS 28B1-265.91 của anh Bùi Văn T, xảy ra ngày 03/9/2023.

Khoảng 21h00 phút ngày 03/9/2023, P điều khiển xe moto Honda Airblade (trộm được của chị Nguyễn Thu T), gắn BKS 29H1-568.68 chở V đến địa bàn xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình để tìm kiếm sơ hở, trộm cắp tài sản. Khi tới xóm T, xã T, cả hai trộm cắp được 01 xe moto Honda Wave Alpha, màu xanh đen bạc, BKS 28B1-265.91 của anh Bùi Văn T (xe dựng trong sân nhà, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện). Mở cốp xe, V phát hiện và lấy 01 đăng ký xe mang tên Bùi Văn T, còn CCCD V đã vứt bỏ. Theo bản kết luận định giá tài sản số 25 ngày 13/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K thì chiếc xe trên trị giá 9.600.000đ. Lấy được xe, V gọi điện thoại cho bạn là Bùi Đức N nói có xe cũ, có giấy tờ, không có nhu cầu sử dụng nên muốn bán. Do tin tưởng, N đồng ý. Tới ngày 16/9/2023, V bán chiếc xe trên cho N được số tiền 4.000.000đ. V và P chia nhau mỗi người được 2.000.000đ. Mua xe được một thời gian, N đăng thông tin xe lên

mạng xã hội để bán và đã bán cho một người không quen biết được số tiền 5.000.000đ và chi tiêu hết. Sau khi biết xe mình mua là tài sản do V trộm cắp, tới ngày 23/10/2023, N đã tìm, chuộc lại xe moto BKS 28B1-265.91 và giao nộp cho Cơ quan điều tra. Công an huyện K sau đó đã thu hồi và trả lại xe cho anh Bùi Văn T. Anh T đã nhận lại xe và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh Bùi Văn T (bỏ để anh T là chủ sở hữu xe và giấy tờ bị mất) cũng không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự. Anh N không có yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã bỏ ra để chuộc xe.

6. Vụ thứ sáu – trộm cắp xe moto KS 28G1-201.14 của chị Nguyễn Thị H, xảy ra ngày 12/9/2023.

Khoảng 22h00 phút ngày 12/9/2023, P điều khiển xe moto Honda Wave S (trộm được của anh Nguyễn Minh T) chở V đến địa bàn phường K, TP H, tỉnh Hòa Bình để tìm kiếm sơ hở, trộm cắp tài sản. Khi tới khu vực tổ 03, phường K, cả hai trộm cắp được 01 xe moto Honda Wave Alpha, màu xanh đen bạc, BKS 28G1-201.14 của chị Nguyễn Thị H (xe dựng trong nhà, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện). Theo bản kết luận định giá tài sản số 230 ngày 14/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP H thì chiếc xe trên trị giá 12.000.000đ. Lấy được xe, V đã tháo biển kiểm soát để tránh bị phát hiện. Tới ngày 14/9/2023, V gọi điện thoại cho bạn là Bùi Đức N nói cửa hàng của V đang làm có xe moto cũ, không có giấy tờ và muốn bán. N tin tưởng, đồng ý mua. Tới ngày 16/9/2023, V bán chiếc xe trên cho N được số tiền 4.000.000đ. V và P chia nhau mỗi người được 2.000.000đ. Mua xe được một thời gian, N đăng thông tin xe lên mạng xã hội để bán và đã bán cho một người không quen biết được số tiền 5.000.000đ và chi tiêu hết. Sau khi biết xe mình mua là tài sản do V trộm cắp, tới ngày 24/10/2023, N đã tìm, chuộc lại xe moto BKS 28G1-201.14 và giao nộp cho Cơ quan điều tra. Công an tp H sau đó đã thu hồi và trả lại xe cho Nguyễn Thị H. Chị H đã nhận lại xe và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh N không có yêu cầu các bị cáo hoàn trả lại số tiền đã bỏ ra để chuộc xe.

7. Vụ thứ bảy – trộm cắp xe moto BKS 29G1-316.01 của anh Trần Văn T xảy ra ngày 27/9/2023.

Khoảng 20h00 phút ngày 27/9/2023, P điều khiển xe moto Honda Airblade (trộm được của chị Nguyễn Thu T), gắn BKS 29H1-568.68 chở V đến địa bàn xã V, huyện K, tỉnh Hòa Bình để tìm kiếm sơ hở, trộm cắp tài sản. Khi tới khu vực thôn

K, xã V, cả hai trộm cắp được 01 xe moto Honda Dream II, màu nâu, BKS 29G1-316.01 của anh Trần Văn T (xe dựng trước cửa nhà, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện). Theo bản kết luận định giá tài sản số 25 ngày 13/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K thì chiếc xe trên trị giá 7.000.000đ. Lấy được xe, V đã tháo, vứt bỏ biển kiểm soát để tránh bị phát hiện. V sau đó lắp BKS 28G1-201.14 vào chiếc xe trên và bán cho anh Nguyễn Văn T được số tiền 3.700.000đ. V và P chia nhau mỗi người 1.850.000đ. Xe moto của anh T bị mất trộm (đã mất BKS 29G1-310.61) sau đó được Công an huyện K thu hồi, trao trả lại cho anh T. Anh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh T đề nghị các bị cáo trả lại cho anh số tiền đã bỏ ra mua xe.

8. Vụ thứ tám – trộm cắp xe moto BKS 28G1-098.30 của chị Bùi Thị N, xảy ra ngày 30/9/2023.

Khoảng 21h00 phút ngày 30/9/2023, Phúc điều khiển xe moto Honda Airblade (trộm được của chị Nguyễn Thu T), gắn BKS 29H1-568.68 chở V đến địa bàn xã M, TP H, tỉnh Hòa Bình để tìm kiếm sơ hở, trộm cắp tài sản. Khi tới khu vực dốc Kẽm, xã M, cả hai trộm cắp được 01 xe moto Honda Wave, màu xanh đen bạc, BKS 28G1-098.30 của chị Bùi Thị N (xe dựng trong sân nhà, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện). Theo bản kết luận định giá tài sản số 230 ngày 14/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TP H thì chiếc xe trên trị giá 13.000.000đ. Lấy được xe, tới ngày 01/10/2023, V gọi điện thoại cho bạn là Bùi Đức N nói cửa hàng của V đang làm có xe moto cũ, không có giấy tờ và muốn bán. N tin tưởng, đồng ý mua với giá 4.000.000đ. V và P chia nhau mỗi người được 2.000.000đ. Mua xe được một thời gian, Nghĩa đăng thông tin xe lên mạng xã hội để bán và đã bán cho một người không quen biết được số tiền 5.000.000đ và chi tiêu hết. Xe hiện chưa thu hồi được, chị N yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 13.000.000đ.

9. Vụ thứ chín – trộm cắp xe moto BKS 28H1-493.32 của anh Nguyễn Văn H, xảy ra ngày 08/10/2023.

Khoảng 21h00 phút ngày 08/10/2023, P điều khiển xe moto Honda Airblade (trộm được của chị Nguyễn Thu T), gắn BKS 29H1-568.68 chở V đến địa bàn phường K, TP H, tỉnh Hòa Bình để tìm kiếm sơ hở, trộm cắp tài sản. Khi tới khu vực tổ 6, phường K, cả hai trộm cắp được 01 xe moto Honda Wave, màu xanh than, BKS 28H1-493.32 của anh Nguyễn Văn H (xe dựng trong sân nhà, chìa khóa vẫn

cắm ở ổ khóa điện). Theo bản kết luận định giá tài sản số 230 ngày 14/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TP H thì chiếc xe trên trị giá 13.000.000đ. Lấy được xe, tới ngày 10/10/2023, V gọi điện thoại cho bạn là Bùi Đức N nói rằng bản thân có xe moto cũ, nhờ N bán hộ. N tin tưởng, đồng ý giúp nên đăng thông tin xe lên mạng xã hội để bán và đã bán cho một người không quen biết được số tiền 4.900.000đ. V chia cho N 900.000đ tiền công giới thiệu, số tiền còn lại V và P chia nhau mỗi người 2.000.000đ. Xe hiện chưa thu hồi được. Anh H yêu cầu các bị cáo bồi thường 13.000.000đ.

10. Vụ thứ mười – trộm cắp xe máy điện BKS 28MĐ6-033.77 của chị Bạch Thị Hồng T, xảy ra ngày 14/10/2023.

Khoảng 22h20 phút ngày 14/10/2023, P điều khiển xe moto Honda Airblade (trộm được của chị Nguyễn Thu T), gắn BKS 29H1-568.68 chở V đi quanh TP H, tỉnh Hòa Bình để tìm kiếm sơ hở, trộm cắp tài sản. Khi tới khu vực công chữ A, tổ 6, phường Q cả hai trộm cắp được 01 xe máy điện nhãn hiệu YADEA VIGOR, màu xanh đen, BKS 28MĐ6-033.77 của chị Bạch Thị Hồng T (xe dựng trước cửa nhà, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện). Theo bản kết luận định giá tài sản số 213 ngày 20/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TP H thì chiếc xe trên trị giá 11.000.000đ. Lấy được xe, V tháo, vứt bỏ biển kiểm soát để tránh bị phát hiện. Tới ngày 18/10/2023, V và P đến Cơ quan điều tra đầu thú, giao nộp lại chiếc xe máy điện trên. Cơ quan điều tra đã trao trả lại xe cho chị T. Chị T nhận lại xe và không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Tiến V và Huỳnh Trung P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trong vụ án này. Đồng thời còn khai nhận thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản khác tại TP H, huyện C, huyện L và huyện T, tỉnh Phú Thọ. Cơ quan điều tra Công an thành phố H đã có văn bản thông báo đến Cơ quan điều tra của các huyện trên để tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Cáo trạng số 56/CT-VKSTPHB ngày 12/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố Nguyễn Tiến V và Huỳnh Trung P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quyết định truy tố

Về tội danh: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến V và Huỳnh Trung P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến V từ 42 đến 48 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2023.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, 98, 101 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Trung P từ 30 đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2023.

Về hình phạt bổ sung: xét các bị cáo đều không có thu nhập, không có công ăn việc làm ổn định, kinh tế gia đình còn khó khăn, nên không đề nghị phạt bổ sung bằng phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tài sản chưa thu hồi được gồm bồi thường cho chị Bùi Thị Q số tiền 17.000.000đ;

Bồi thường cho chị Bùi Thị N (Nh) số tiền 13.000.000đ; Bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 13.000.000đ; Bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 3.700.000đ. Theo tỉ lệ tương ứng với số tiền mỗi bị cáo đã hưởng lời bất chính ở từng vụ án cụ thể.

Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ tại Công an thành phố Hòa Bình 02 Biển kiểm soát xe mô tô 29H1-568.68 và 28S7-0118 thu giữ trong quá trình điều tra để phục vụ việc xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS truy thu sung công quỹ Nhà nước đối với số tiền các bị cáo hưởng lời bất chính từ việc bán xe mô tô trộm cắp tại các vụ án đã được thu hồi tài sản và bị hại không yêu cầu bồi thường.

Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị xem xét quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Các Bị cáo không có ý kiến bào chữa hay tranh luận gì, nhận thức về vi phạm của bản thân và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trình bày lời bào chữa cho bị cáo Huỳnh Trung P, người bào chữa nhất trí với tội danh và điều khoản đại diện Viện kiểm sát nêu trong bản luận tội, đồng thời đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị áp dụng cho bị cáo như: bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trong 10 vụ trộm cắp thì có 8 vụ bị cáo thực hiện tội phạm khi chưa đủ tuổi thành niên, bị cáo phạm tội do bị người khác xúi dục, gia đình bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ nghèo, trước

khi xét xử bị cáo đã nộp được số tiền 5.000.000đ để khắc phục hậu quả, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án 24 tháng tù. Về án phí: Do gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị hại chị Bùi Thị N, Bùi Thị Q và anh Nguyễn Văn H yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại tài sản cho bị hại theo giá trị của kết luận định giá tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền 3.7000.000đ tiền mua xe, ông Huỳnh Trung C không yêu cầu bị cáo P hoàn trả số tiền 5.000.000đ chi phí bồi thường khắc phục hậu quả cho bị cáo P.

Nói lời sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa ngoài các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có một số bị hại và người liên quan vắng mặt, căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, do đó Hội đồng tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Tiến V và Huỳnh Trung P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị

hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu được cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sơ hở của người dân trong quản lý tài sản, trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 10/2023, các bị cáo Nguyễn Tiến V và Huỳnh Trung P đã lấy xe moto của gia đình hoặc sử dụng xe moto trộm cắp được của bị hại, thay biển kiểm soát, chở nhau đi lòng vòng qua các tuyến đường, tìm kiếm tài sản sơ hở, không có người trông coi để trộm cắp. Các bị cáo đã liên tiếp thực hiện 10 vụ trộm xe moto, xe máy điện trên địa bàn TP H và huyện K, tỉnh Hòa Bình. Gây thiệt hại số tiền 101.100.000đ cho các bị hại. Lấy được tài sản, các bị cáo tháo, vứt bỏ biển kiểm soát hoặc đổi biển kiểm soát, nhanh chóng tẩu tán tài sản để tránh bị phát hiện. Với cách thức trên, hai bị cáo đã bán và hưởng lợi bất chính số tiền 24.200.000đ, trong đó V được 12.650.000đ, P được 11.550.000đ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật song do hám lời, lười lao động, muốn có tiền để chi tiêu cá nhân nên vẫn cố tình thực hiện, gây thiệt hại tổng số tiền 101.100.000đ cho các bị hại.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TP H truy tố bị cáo Nguyễn Tiến V và Huỳnh Trung P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm (c) khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án này, các bị cáo đều có ý định phạm tội từ trước nên có sự phân công người cảnh giới, người thực hiện hành vi; chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội (xe moto, chìa khóa). Sau khi trộm cắp được tài sản, để che dấu hành vi với bị hại và cơ quan chức năng, các bị cáo sử dụng thủ đoạn tháo, vứt bỏ biển kiểm soát hoặc tháo đổi biển kiểm soát của xe này sang xe khác, lấy xe moto trộm được của bị hại để làm phương tiện để chở nhau tiếp tục đi trộm cắp rồi nhanh chóng bán, chuyển giao xe trộm cắp được cho người khác. Bị cáo V và P đều không có công ăn việc làm, từ tháng 8 đến tháng 10/2023 đã liên tiếp thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản, giá trị của từng lần phạm tội theo Kết luận định giá tài sản đều trên 2.000.000đ nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 24.200.000đ, trong đó V được hưởng lợi 12.650.000đ, P được hưởng lợi

11.550.000đ. Quá trình điều tra, các bị cáo còn khai nhận trong khoảng thời gian trên ngoài 10 vụ trộm cắp trên, các bị cáo còn thực hiện 02 vụ trộm cắp tại TP H, 02 vụ tại huyện L, 02 vụ tại huyện T, tỉnh Phú Thọ và đều bán tài sản lấy tiền chia nhau tiêu xài, Tuy nhiên các vụ án trên đã được tách ra để giải quyết theo thẩm quyền nên không đề cập trong vụ án này. Như vậy, chỉ trong khoảng thời gian ngắn, các bị cáo đã liên tục trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền. Với những đánh giá, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo V, P phạm tội trộm cắp tài sản theo Điều 173 BLHS và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS.

Ngoài ra bị cáo Nguyễn Tiến V còn có hành vi rủ rê, lôi kéo bị cáo Huỳnh Trung P tham gia 08 vụ trộm cắp tài sản (vào các ngày 06/8, 09/8, 18/8, 25/8, 03/9, 12/9, 27/9, 30/9) khi P chưa đủ 18 tuổi (P sinh ngày 02/10/2005). Do đó, cần áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đối với tiền án năm 2020 bị cáo đã được xóa án tích, nhưng cần coi là tình tiết để đánh giá về nhân thân khi quyết định hình phạt với bị cáo.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn, hối cải, khai nhận rõ hành vi phạm tội giúp cơ quan điều tra thu hồi được nhiều tài sản trả lại cho bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được áp dụng chung cho cả hai bị cáo. Ngoài ra khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét cho bị cáo P khi thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản là người chưa đủ 18 tuổi, phạm tội do bị dụ dỗ, lôi kéo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ nghèo, bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng, trước khi xét xử bị cáo đã nộp được số tiền 5.000.000đ để khắc phục hậu quả, do đó áp dụng thêm tình tiết này để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm gián đơn, hai bị cáo thống nhất việc phạm tội từ trước, chuẩn bị công cụ gây án và phân công nhau thực hiện hành vi phạm tội, bàn bạc về cách thức che giấu tội phạm và tẩu tán tài sản. Trong đó, V trực tiếp trộm cắp tài sản còn P đứng ngoài cảnh giới. Lấy được tài sản thì V sẽ liên hệ, trao đổi và đưa tài sản đi tiêu thụ, lấy tiền chia nhau. Do đó, bị cáo V giữ vai trò

chính và phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo P. Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo phải liên đới bồi thường cho các bị hại có tài sản bị chiếm đoạt nhưng chưa thu hồi được và số tiền người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã bỏ ra để mua tài sản các bị cáo chiếm đoạt tương ứng với số tiền các bị cáo được hưởng lợi.

[6]. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện cũng như hậu quả mà các bị cáo đã gây ra cần có mức hình phạt tù tương xứng, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Các bị cáo không có việc làm, thu nhập nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung với các bị cáo là phù hợp.

Đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo P tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ là có căn cứ, đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[7.1]. Đối với các vật chứng đã thu hồi được gồm:

- Quá trình điều tra, cơ quan Công an đã thu hồi tài sản, xác minh và tiến hành trả lại cho chị Dương Thị M 01 xe moto Honda Wave, màu sơn đỏ đen, mất biển kiểm soát (*vụ thứ nhất*); trả cho anh Nguyễn Minh T 01 xe moto Honda Wave S, màu sơn đỏ trắng đen, mất biển kiểm soát (*vụ thứ hai*); trả cho chị Nguyễn Thu T 01 xe moto Honda Airblade, màu sơn đỏ trắng xám, mất biển kiểm soát (*vụ thứ ba*); trả cho anh Bùi Văn T 01 xe moto Honda Wave Alpha, màu sơn xanh đen bạc, cùng BKS 28B1-265.91 (*vụ thứ năm*); trả cho chị Nguyễn Thị H 01 xe moto Honda Wave, màu sơn xanh đen bạc cùng BKS 28G1-201.14 (*vụ thứ sáu*); trả cho anh Trần Văn T 01 xe moto Honda Dream II, màu sơn nâu, mất biển kiểm soát (*vụ thứ bảy*); trả cho chị Bạch Thị Hồng T 01 xe máy điện YADEA VIGOR, màu đen, mất biển kiểm soát (*vụ thứ mười*); trả lại cho anh Nguyễn Văn H 01 biển kiểm soát xe moto số 28H1-493.32 (*vụ thứ chín*). Việc trả lại tài sản nêu trên cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng pháp luật. Các bị hại có tên trên đã nhận lại tài sản cùng một số giấy tờ xe có liên quan và không có yêu cầu gì thêm liên quan tới tài sản đã nhận lại, đây là sự tự nguyện của các bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trách nhiệm bồi thường thêm.

- 02 biển kiểm soát xe moto số 29H1-568.68 và 28S7-011.18 đã thu giữ trong quá trình điều tra. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo sử dụng các biển kiểm soát

trên để thực hiện hành vi phạm tội, không xác định được chủ sở hữu, không giống với mẫu biển kiểm soát mà Công an TP Hh và Phòng CSGT Công an tỉnh Hòa Bình cung cấp, tuy nhiên Cơ quan điều tra tiếp tục lưu giữ để xác minh làm rõ và xử lý sau, nên HĐXX không đề cập.

- Sau khi trộm cắp tài sản, các bị cáo đã bán xe moto Honda Wave (đã mất BKS 28S4-0038) cho chị Trần Thị Ánh Ng được 1.000.000đ (*vụ thứ nhất*); bán xe moto Honda Wave S (mất BKS 28D1-013.63) cho anh Nguyễn Tiến M được 1.000.000đ (*vụ thứ hai*); bán xe moto Honda Wave alpha (còn BKS 28B1-265.91) cho anh Bùi Đức N được 4.000.000đ (*vụ thứ năm*); bán xe BKS Honda Wave S (mất BKS 28G1-201.14) cho anh Bùi Đức N được 4.000.000đ (*vụ thứ sáu*). Xe đã được Cơ quan điều tra thu hồi, trả lại cho các bị hại. Chị Ng, anh M, anh N không có yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền đã mua xe nên Hội đồng xét xử không xét trách nhiệm dân sự. Song đối với số tiền các bị cáo được hưởng lợi bất hợp pháp cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước. Cụ thể: bị cáo V phải nộp số tiền 550.000đ + 500.000đ + 2.000.000đ + 2.000.000đ = 5.050.000đ; bị cáo P phải nộp số tiền 450.000đ + 500.000đ + 2.000.000đ + 2.000.000đ = 4.950.000đ vào Ngân sách nhà nước.

- Đối với xe moto Honda Dream II, BKS 29G1-316.01 (các bị cáo đã tháo biển số này và lắp BKS 28G1-201.14), các bị cáo đã bán cho anh Nguyễn Văn T được 3.700.000đ. Xe đã được thu hồi, trả lại cho bị hại Trần Văn T. Khi mua xe, anh T không biết đây là tài sản phạm pháp. Anh T yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền mua xe là có căn cứ, đúng pháp luật nên các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh T số tiền 3.700.000đ.

Đối với số tiền 5.000.000đ ông Huỳnh Trung C đã nộp để khắc phục hậu quả cho bị cáo P, ông C không yêu cầu bị cáo hoàn trả, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7.2]. Các tài sản bị trộm cắp chưa thu hồi được gồm:

- 01 xe moto Honda Vision, màu trắng nâu, BKS 28H1-390.79 của chị Bùi Thị Q (*vụ thứ tư*), chị Q yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 17.000.000đ.

- Xe moto Honda Wave, màu xanh đen bạc, BKS 28G1-098.30 của chị Bùi Thị Nh (*vụ thứ tám*), chị Nh yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 13.000.000đ.

- 01 xe moto Honda Wave, màu xanh đen bạc của anh Nguyễn Văn H (*vụ thứ chín*), anh H yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 13.000.000đ.

Xét thấy, 03 xe moto trên là tài sản hợp pháp của bị hại hiện chưa thu hồi được. Yêu cầu bồi thường dân sự của các bị hại là có căn cứ, phù hợp với kết luận định giá tài sản nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong vụ án này, các bị cáo đều có vai trò đồng phạm, sau khi bán được tài sản thì cùng chia nhau tiền để sử dụng, số tiền chiếm hưởng gần như nhau nên cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường toàn bộ 43.000.000đ thiệt hại cho các bị hại tương ứng với số tiền các bị cáo được chia là phù hợp.

Ngoài ra, đối với anh Bùi Đức N, khi giới thiệu, bán xe hộ cho các bị cáo được bị cáo V trả công với số tiền 500.000đ (vụ thứ tư), 900.000đ (vụ thứ chín), tổng là 1.400.000đ. Đây là tiền có được từ việc bán tài sản trộm cắp mà có nên cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 05 biển kiểm soát xe moto, xe máy điện gồm 28S4-0038 của chị Dương Thị M, 28D1-013.63 của anh Nguyễn Minh T, 28K1-020.86 của chị Nguyễn Thu T, 29G1-316.01 của anh Trần Văn T, 28MĐ-033.77 của chị Bạch Thị Hồng T, cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm song chưa thu hồi được, các bị hại không có đề nghị gì đối với các biển kiểm soát nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, khi nào tìm thấy sẽ xử lý sau.

[7.3]. Đối với các tài sản, tang vật khác gồm:

- 01 xe moto nhãn hiệu Honda Airblade màu trắng được các bị cáo sử dụng để chở nhau đi trộm cắp tài sản trong vụ trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Minh T (vụ thứ hai), bị cáo V khai mua xe từ đầu năm 2023 của một người không quen biết, không có biển kiểm soát, không có giấy tờ mua bán, không có giấy tờ xe và đã bán cho một người không quen biết từ tháng 8/2023; 01 chìa khóa được các bị cáo sử dụng để cạy mở ổ khóa điện của xe moto 28S4-0038. Các tài sản trên đều chưa thu hồi được, khi nào tìm thấy, làm rõ sẽ xử lý sau.

- 01 xe moto nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu vàng đen của anh Nguyễn Văn Kh được các bị cáo thừa nhận đã lấy trộm vào ngày 06/10/2023 và đã bán cho bà Đỗ Thị M được 700.000đ, chia nhau tiêu xài. Tuy nhiên, vật chứng chưa thu hồi được và anh Kh không cung cấp được giấy tờ có liên quan đến tài sản bị trộm cắp làm căn cứ định giá tài sản. Ngoài ra, các bị cáo còn khai trộm cắp 01 xe máy điện nhãn hiệu X-men màu đen, đem bán cho anh Vũ Văn Tr được 1.300.000đ, chia nhau tiêu xài song cũng chưa thu hồi được tài sản, chưa xác định bị hại, VKSND thành phố H không truy cứu trách nhiệm hình sự với các bị cáo về hai vụ án trên

nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự trong vụ án này. Khi nào làm rõ sẽ xử lý, giải quyết sau bằng vụ án khác.

[8]. Về hành vi của các cá nhân khác trong vụ án:

- Chị Trần Thị Ánh Ng, anh Nguyễn Tiến M, anh Bùi Đức N, anh Nguyễn Văn T khi mua, nhận tài sản từ bị cáo V và P đều không biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, không liên quan đến hành vi của các bị cáo. Quá trình điều tra đã tự nguyện giao trả lại xe nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trách nhiệm.

- Anh Huỳnh Trung C không biết việc các bị cáo sử dụng xe moto Honda Wave BKS 28H1-257.89 của mình để phạm tội (*vụ thứ nhất*), không liên quan đến hành vi của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9]. Về án phí:

- Các bị cáo Nguyễn Tiến V và Huỳnh Trung P phải chịu mỗi bị cáo 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo Nguyễn Tiến V, Huỳnh Trung P phải liên đới bồi thường cho chị Bùi Thị Q, chị Bùi Thị Nh và anh Nguyễn Văn H tổng số 43.000.000đ; và phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 3.700.000đ. Do đó các bị cáo phải chịu 2.335.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số tiền là 46.700.000đ, trong đó mỗi bị cáo phải chịu 1.167.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

(Riêng bị cáo P là đối tượng được trợ giúp pháp lý, gia đình thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí, yêu cầu trên là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo).

Số tiền các bị cáo và anh N bị truy thu không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[10]. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ vào điểm (c) khoản 2 Điều 173; điểm (s) khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm (g,o) khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Nguyễn Tiến V phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt: Nguyễn Tiến V 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2023.

1.2. Căn cứ vào điểm (c) khoản 2 Điều 173; điểm (b,s) khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 17, 58; Điều 91; 98 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Huỳnh Trung P phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt: Huỳnh Trung P 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 288, 357, 468, 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Nguyễn Tiến V và Huỳnh Trung P phải liên đới bồi thường cho chị Bùi Thị Q số tiền 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*) trong đó V bồi thường 9.5000.000đ; P bồi thường 7.500.000đ; bồi thường cho chị Bùi Thị Nh số tiền 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*) trong đó V bồi thường 6.500.000đ, P bồi thường 6.500.000đ; bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*) trong đó V 6.500.000đ, P 6.5000.000đ; bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 3.700.000đ (*Ba triệu bảy trăm nghìn đồng*) trong đó V 1.850.000đ, P 1.850.000đ.

Cụ thể: bị cáo Nguyễn Tiến V phải bồi thường tổng số tiền 24.350.000đ; bị cáo Huỳnh Trung P phải bồi thường tổng số tiền 22.350.000đ. Xác nhận bị cáo P đã bồi thường được số tiền 5.000.000đ, nay phải bồi thường thêm số tiền 17.350.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ của người được thi hành nếu bị cáo chưa bồi thường xong thì còn phải chịu trả thêm một khoản lãi suất chậm trả theo quy định tại điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

- Truy thu từ bị cáo Nguyễn Tiến V số tiền 5.050.000đ (*Năm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Truy thu từ bị cáo Huỳnh Trung P số tiền 4.950.000đ (*Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu từ anh Bùi Đức N số tiền 1.400.000đ (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*) nộp vào Ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 12, 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc Bị cáo Nguyễn Tiến V phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm và 1.217.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm và 1.117.500đ án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Huỳnh Trung P.

Trường hợp bản án được thi hành Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Thi hành án hình sự TP H;
- Chi cục THADS TPH;
- Sở Tư pháp tỉnh HB;
- UBND P. T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa
(đã ký)

Bùi Thành Niên